

Số: **25** /2026/TT-BTCHà Nội, ngày **25** tháng **3** năm 2026**THÔNG TƯ**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 Điều 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Cục trưởng Cục Hải quan thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.

Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Cục trưởng Cục Hải quan thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Cục Hải quan trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu của bưu chính nơi gửi. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng thi và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.

Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Cục trưởng Cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.”

2. Bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau:

“10. Chi phí tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

a) Người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Chi phí dự thi được nộp thông qua thanh toán điện tử theo hướng dẫn của Hội đồng thi. Trường hợp người dự thi đã nộp chi phí dự thi nhưng bỏ thi thì không được hoàn trả lại khoản chi phí đã nộp;

b) Hội đồng thi xây dựng dự toán chi phí tổ chức kỳ thi đúng quy định theo nguyên tắc lấy thu bù chi. Dự toán chi phí tổ chức kỳ thi phải được Cục Hải quan phê duyệt;

c) Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế về kinh phí tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan để ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC

“2. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 ban hành kèm Thông tư này;

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan gửi hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan về Cục Hải quan. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này: 01 bản chính;

- 01 ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ có ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau của ảnh.

b.2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Cục Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để xem xét việc cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện.

c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được sử dụng để cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC

“1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 05 ban hành kèm Thông tư này, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.

3. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan có Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố khác nếu Chi nhánh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 20 Luật Hải quan thì được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan. Thủ tục công nhận thực hiện theo quy định tại Điều này.

4. Khi thay đổi tên, địa chỉ đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện ban hành Quyết định thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan và cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan.

5. Thủ tục hành chính quy định tại Điều này và Điều 7, Điều 9, Điều 10 được thực hiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; các chứng từ thuộc hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính là chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp đối với từng chứng từ. Trường hợp hệ thống dịch vụ công

trực tuyến không thực hiện được thủ tục hành chính, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố và thời hạn dự kiến khắc phục sự cố. Trong thời gian hệ thống dịch vụ công trực tuyến gặp sự cố, đại lý làm thủ tục hải quan được lựa chọn phương thức thực hiện thủ tục hành chính bằng hồ sơ giấy tại Cục Hải quan; trong đó, văn bản đề nghị thực hiện thủ tục là bản chính; các chứng từ thuộc hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính là bản chụp được người đại diện pháp luật doanh nghiệp ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 như sau:

“b) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn tối đa 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này theo Mẫu số 06A ban hành kèm Thông tư này.

Trường hợp Chi cục Hải quan khu vực trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm quy định tại tiết a.1, tiết a.2 và tiết a.3 điểm a khoản này thì báo cáo Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này.

Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị tạm dừng hoạt động thì có công văn gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo Mẫu số 12 ban hành kèm Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Chi cục Hải quan khu vực, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

c) Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan khắc phục và có công văn đề nghị tiếp tục hoạt động gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra, xác minh điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp và ban hành quyết định cho phép đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động theo Mẫu 06B ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do nếu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động thì có công văn gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan, Cục

trường Cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC

“Điều 9. Thủ tục cấp và gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07 ban hành kèm Thông tư này;

b) Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật;

c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp trước năm 2019.

Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì trên mẫu đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải khai thông tin giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều này;

d) Các chứng từ trong hồ sơ cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này là chứng từ của từng nhân viên thuộc danh sách đề nghị cấp mã số.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục trưởng Cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp không đủ điều kiện thì trả lời doanh nghiệp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số căn cước còn thời hạn sử dụng của người được cấp và có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn trên, để tiếp tục làm nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

a.2) Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày) do các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan.

Cục Hải quan thông báo danh sách các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ đã thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức thực hiện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho Cục Hải quan về danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bao gồm các chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của Cục Hải quan để phối hợp thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

b) Trước khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời gian sử dụng, đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp có thay đổi thông tin về số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân đã cung cấp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì khai bổ sung thông tin thay đổi về số căn cước công dân trên Mẫu số 07;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Thời gian gia hạn là 03 năm kể từ ngày gia hạn.

4. Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:

a.1) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh;

a.2) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân.

b) Đại lý làm thủ tục hải quan có đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được thay đổi theo số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-

BTC

“3. Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) Đại lý làm thủ tục hải quan có Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo Mẫu số 07C ban hành kèm theo Thông tư này đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Đơn đề nghị được gửi đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh trường hợp phải thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

b) Trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi xử lý vi phạm, Chi cục Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan đề thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Chi cục Hải quan khu vực hoặc thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác về việc nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có hành vi vi phạm, thuộc trường hợp phải thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp ban hành quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan thì trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp ban hành quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo đề nghị của Chi cục Hải quan khu vực hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác thì gửi quyết định thu hồi mã số cho đại lý làm thủ tục hải quan qua bưu chính.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC và Thông tư số 79/2022/TT-BTC

1. Thay thế Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 79/2022/TT-BTC bằng Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung Mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thay thế Mẫu số 05, Mẫu số 09 được ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC bằng Mẫu số 05, Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thay thế Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC bằng Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thay thế Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 10, Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC bằng Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 10, Mẫu số 12 ban hành

kèm theo Thông tư này.

6. Thay thế Mẫu số 06A, Mẫu số 06B, Mẫu số 07C, ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BTC bằng Mẫu số 06A, Mẫu số 06B, Mẫu số 07C ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Bãi bỏ Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC và các Mẫu số 07A, Mẫu số 07B ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BTC.

Điều 8. Thay thế một số cụm từ tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC và Thông tư số 79/2022/TT-BTC

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cục Hải quan” tại: khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 3; khoản 4 Điều 11; khoản 3 Điều 15; Điều 17; khoản 2 Điều 18 Thông tư số 12/2015/TT-BTC; khoản 5, khoản 9, khoản 11 Điều 1; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-BTC.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” tại khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 11 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC.

3. Thay thế cụm từ “Cục Hải quan tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “Chi cục Hải quan khu vực” tại: điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 17 Thông tư số 12/2015/TT-BTC; khoản 9, khoản 11 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC.

4. Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực” tại: điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2015/TT-BTC.

5. Thay thế cụm từ “Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan” tại: khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 3; khoản 5, khoản 7 Điều 15 Thông tư số 12/2015/TT-BTC; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC.

6. Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Thuế” bằng cụm từ “Trưởng Thuế tỉnh, thành phố” tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2015/TT-BTC.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2026.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 trước khi Thông tư này có hiệu lực thì được giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại các Thông tư dẫn trên. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa

đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Hải quan các khu vực;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (60).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số 25./2026/TT-BTC ngày 25./...3../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 02 – Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan.

Mẫu số 03 – Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (trường hợp cấp cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này).

Mẫu số 03A – Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (trường hợp cấp cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này).

Mẫu số 04 – Đơn đề nghị công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 05 – Quyết định công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 06 – Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 06A – Quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 06B – Quyết định tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07 – Đơn đề nghị cấp/ gia hạn/ cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07C – Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 09 – Quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 10 – Báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 11 – Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

Mẫu số 12 – Đơn đề nghị tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

**ĐƠN VỊ CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**(CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN)
CHỨNG NHẬN**

Họ và tên: (Họ và tên người được chứng nhận)

Sinh ngày:

Số CCCD cấp ngày tại

Đã hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan dành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... tại

Số QĐ cấp chứng nhận: ... ngày.....

Số vào sổ:

Số hiệu:/20..../GCN-.....

....., ngày... tháng... năm 20...

TM. ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỤC HẢI QUAN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ảnh 3 x 4 cm

CHỨNG CHỈ

NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-CHQ ngày ... tháng ... năm về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

- Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng ... năm ... của về việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho thí sinh đạt yêu cầu tại kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm tổ chức tại ...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

- Sinh ngày:/...../.....

- Số CCCD..... cấp ngày..... tại

Số:
Ngày... tháng... năm ...

Hà Nội, ngày/...../.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỤC HẢI QUAN



Ảnh 3 x 4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng.... năm.... của
..... về việc nghỉ hưu/nghỉ việc/chuyển công tác đối với ông
(bà)...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):
.....
- Sinh ngày:/...../.....
- Số CCCD..... cấp ngày..... tại

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

Số:

Ngày ... tháng ... năm ...

Hà Nội, ngày/...../.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....
V/v đề nghị công nhận hoạt động
đại lý làm thủ tục hải quan

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hải quan.

Tên doanh nghiệp:

Loại hình doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số/2026/TT-BTC ngày/....../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công ty tự xét thấy đã đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 20 Luật Hải quan và Thông tư dẫn trên, cụ thể:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác nhận có ngành nghề:

2. Nhân viên đủ điều kiện đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:..... người, cụ thể:

2.1. Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày..... tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo¹; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; nơi cấp:

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2.2. Họ và tên: Sinh ngày:

¹ Thông tin tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày tại
- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo² ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:.....
- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp
- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....
- 3. Hạ tầng công nghệ thông tin:
- 4. Điều kiện về cơ sở hạ tầng, kho, bãi, phương tiện vận tải (nếu có):

Đề nghị Cục Hải quan xác nhận Công ty đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho nhân viên có tên tại điểm 2 nêu trên theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

**... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Thông tin tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan gửi kèm công văn số ngày .../.../..... của Công ty

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận:

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày cấp nơi cấp

Đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện pháp luật (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của (Chi cục Hải quan khu vực hoặc doanh nghiệp) ... về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày.... của (Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Hải quan) về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ...(3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ- CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của (Chi cục Hải quan khu vực hoặc doanh nghiệp) ... về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày của(Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Hải quan) về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này, nếu đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục và có văn bản đề nghị tiếp tục hoạt động, Cục Hải quan ban hành Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp) ..., Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ngày của Cục trưởng Cục Hải quan về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ngày của Cục trưởng Cục Hải quan về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xem xét hồ sơ gửi kèm công văn số về việc đề nghị tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp); và

Kết quả kiểm tra điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với (doanh nghiệp)

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày cấp nơi cấp

Đủ điều kiện tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

.....(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu

hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp)..., Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP/GIA HẠN/CẤP LẠI³ MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ngày/...../..... giữa doanh nghiệp với ông (bà)

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công tytự xét thấy ông (bà) đã đáp ứng đủ các điều kiện về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 20 Luật Hải quan và các Thông tư dẫn trên. Do vậy, Công ty đề nghị Cục Hải quan xem xét cấp/ gia hạn/ cấp lại⁴ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo⁵; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; Nơi cấp:

³ Doanh nghiệp chọn điền tên thủ tục hành chính cần thực hiện

⁴ Doanh nghiệp chọn điền tên thủ tục hành chính cần thực hiện

⁵ Điền tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2/ Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo⁶; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

3/ ...

Lý do đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:⁷

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

**.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁶ Điền tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

⁷ Điền lý do đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

THU HỒI MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Sinh ngày:

Mã số nhân viên đại lý hải quan: cấp ngày ... tại thông báo số .../CHQ-GSQL ngày/... của Cục Hải quan về việc cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan:

2/ Họ và tên: Sinh ngày:

Mã số nhân viên đại lý hải quan: cấp ngày

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan:

3/...

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

**.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét công văn đề nghị của doanh nghiệp hoặc Chi cục Hải quan khu vực về việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (nếu có);

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

Ông (bà);

Ngày sinh: Mã số: cấp ngày/...../.....

Là nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp)

.....

Lý do thu hồi:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 Quyết định này, Giám đốc (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN
(Quý / 20....)

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực....

Tên Đại lý làm thủ tục hải quan:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

TT	Loại hình XNK	Số lượng DN ký hợp đồng	Số lượng tờ khai	Kim ngạch (USD)	Tiền thuế		
					XNK	GTGT	Thuế khác
1							
2							

1. Các công việc được ủy quyền:

2. Tình hình vi phạm pháp luật thuế, hải quan, pháp luật khác (số vụ, hành vi) (kể cả hành vi vi phạm pháp luật do chủ hàng thực hiện):

3. Thay đổi về điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Thay đổi tên/ địa chỉ đăng ký kinh doanh: (nếu có)

- Thay đổi về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan: (nếu có)

- Thay đổi về ngành nghề đăng ký kinh doanh; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin: (nếu có)

4. Vướng mắc và kiến nghị:

- Về chính sách XNK ...;

- Về chính sách thuế ...;

- Về thủ tục hải quan ...;

- Về hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan ...;

- Về phối hợp, hợp tác giữa Hải quan- đại lý làm thủ tục hải quan - chủ hàng: ...;

5. Những kiến nghị khác:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

GIÁM ĐỐC ĐẠI LÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Họ tên: Nam/nữ:

Ngày sinh:

Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày:

tại

Địa chỉ nhận chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:.....; Số điện thoại:.....

Ngạch công chức:

Thời gian, quá trình công tác trong ngành hải quan (ghi rõ thông tin các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch công chức, nâng ngạch, chuyển công tác và quá trình công tác):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc (nếu có, ghi rõ thông tin về Quyết định kỷ luật):

Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác:

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị tạm dừng/chấm dứt
hoạt động đại lý làm thủ tục hải
quan

Kính gửi: Cục Hải quan.

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Công ty đã được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số..... ngày..... Nay Công ty đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với Công ty.

Lý do tạm dừng/ chấm dứt:

Đề nghị Cục Hải quan xem xét giải quyết theo quy định./.

**.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)